

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 36
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	7 – 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019</i>	12 – 13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2019</i>	14 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Sông Đà được thành lập theo Quyết định số 709/QĐ-BXD ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000173 ngày 20 tháng 05 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty có phân số 0500450173 thay đổi lần 11 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 10 năm 2019 về thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2019: 160.076.850.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: : Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84 - 4) 2211 29 18
Mail: : songdaic@gmail.com
Mã số thuế : 0 5 0 0 4 5 0 1 7 3

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Các sự kiện sau ngày khóa số kế toán lập Báo cáo tài chính

Năm 2018, Công ty thực hiện chuyển nhượng dự án thùy điện Mường Sang 3 cho Công ty Cổ phần Trường Phúc Lộc Tây Bắc. Ngày 21/1/2020 theo quyết định số 170/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chấp nhận điều chỉnh thay đổi nhà đầu tư thực hiện dự án (chuyển nhượng dự án) sang Công ty Cổ phần Trường Phúc Lộc Tây Bắc.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không còn sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2019
Ông Vũ Hà Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Ông Hà Sỹ Đình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Ông Nguyễn Tiến Khanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 10 năm 2019
Ông Trần Trung Thiện	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 10 năm 2019
Ông Đinh Văn Nhân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Ông Bùi Hữu Hân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Ông Trần Văn Cần	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Ông Lê Quảng Đại	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Ông Đỗ Việt Khoa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2019 Miễn nhiệm ngày 08/10/2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2019 Miễn nhiệm ngày 08/10/2019
Ông Lưu Quang Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Bà Trịnh Khánh Dung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Vương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Bà Trịnh Thị Bảo Diệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2019
Bà Phạm Thị Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 10 năm 2019
Bà Trần Ngọc Quỳnh Anh	Thành viên	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Khanh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2019
Ông Trần Trung Thiện	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2019
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2019
Ông Nguyễn Lê Toàn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2019
Ông Đinh Văn Nhân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019
Ông Trần Văn Cần	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2019
Ông Bùi Hữu Hân	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2019
Ông Nguyễn Lê Toàn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Năm 2019, nợ ngắn hạn vẫn lớn hơn tài sản ngắn hạn (số tiền: 6.441.834.334 đồng). Tuy nhiên, Công ty đã nhận lại dự án Thủy điện Tát ngoẵng để tiếp tục hoạt động cùng với dự án Thủy điện Mường Sang 2. Đồng thời trong năm 2019, Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Do đó, Báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở giá định hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, Ngày 24 tháng 03 năm 2020

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Tiến Khanh



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 0912.01.02/2019/NVT2-BCTC
Ngày : 24 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2020 từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Báo cáo tài chính năm 2018 được Công ty chúng tôi kiểm toán. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán có dạng “từ chối đưa ra ý kiến” vì các vấn đề sau:

- (1): Các yếu tố về lợi nhuận (lỗ 3 năm liên tục) và cơ cấu nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là các dấu hiệu nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.
- (2): Công ty thực hiện chuyển nhượng 02 dự án (Dự án Thủy điện Tát Ngao và dự án Thủy điện Mường Sang 3) nhưng chưa hoàn thành các thủ tục sang tên chủ đầu tư và đã ghi giảm toàn bộ giá trị của 02 dự án này ra khỏi Báo cáo tài chính.

Các vấn đề trên đã được khắc phục trên Báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

Ngày 21/1/2020, Quyết định số 170/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chấp nhận điều chỉnh thay đổi nhà đầu tư thực hiện dự án Thủy điện Mường Sang 3 (chuyển nhượng dự án) từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà sang Công ty Cổ phần Trường Phúc Lộc Tây Bắc.

Đối với dự án Thủy điện Tát Ngao, do các bên không thực hiện được thủ tục sang tên nên nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-SDD ngày 08 tháng 10 năm 2019 thông qua kế hoạch của Ban giám đốc về việc nhận lại dự án Thủy điện Tát Ngao. Công ty đã thực hiện hủy hợp đồng chuyển nhượng và hoàn trả lại Dự án Thủy điện Tát Ngao theo văn bản thỏa thuận 3 bên ngày 31 tháng 12 năm 2019 và nghị quyết 30.12.2 SDD/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019. Theo đó Công ty có nghĩa vụ thanh toán lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La toàn bộ số tiền đã nhận và giá trị công trình được đầu tư thêm, tổng số tiền 177.211.430.000 VND. Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố các nghiệp vụ liên quan đến việc chuyển nhượng dự án này trên Báo cáo tài chính năm 2019 (xem thuyết minh số V.14b)

Năm 2019, nợ ngắn hạn vẫn lớn hơn tài sản ngắn hạn (số tiền: 6.441.834.334 đồng). Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện nhận lại dự án Thủy điện Tát Ngao để tiếp tục hoạt động cùng với dự án Thủy điện Mường Sang 2. Năm 2019, công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Do đó, báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Cổ phiếu Công ty bị hủy niêm yết trên sàn HNX từ ngày 4/6/2019 theo đó hiện Cổ phiếu Công ty đang được giao dịch trên sàn Upcom.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

Vũ Thị Thiết

GCNĐKHNTK số: 3980-2017-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

		Đơn vị tính: VND		
TÀI SẢN		Mã Thuyết số minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100	33.723.229.277	40.789.054.792
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	2.705.705.937	3.174.743.983
1. Tiền		111	2.705.705.937	3.174.743.983
2. Các khoản tương đương tiền		112	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	2.161.200	2.161.200
1. Chứng khoán kinh doanh		121	2.161.200	2.161.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130	8.129.709.566	15.260.815.745
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	6.844.296.144	14.407.150.939
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	655.909.091	945.938.978
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	970.308.654	248.530.151
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	(340.804.323)	(340.804.323)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139	-	-
IV. Hàng tồn kho		140	6.119.677.677	5.053.715.682
1. Hàng tồn kho		141	6.119.677.677	5.053.715.682
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150	16.765.974.897	17.297.618.182
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	304.943.725	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	2.386.572.990	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	14.074.458.182	17.297.618.182
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN					
I. Các khoản phải thu dài hạn					
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	210		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	211		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	214		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	215		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
219				-	-
II. Tài sản cố định					
1.	Tài sản cố định hữu hình	220		212.474.184.629	170.093.266.895
	<i>Nguyên giá</i>	221	V.8	208.965.501.229	168.263.266.895
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	222		253.705.503.810	204.566.068.108
		223		(44.740.002.581)	(36.302.801.213)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.508.683.400	1.830.000.000
	<i>Nguyên giá</i>	228		3.608.683.400	1.930.000.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(100.000.000)	(100.000.000)
III. Bất động sản đầu tư					
	<i>Nguyên giá</i>	230		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	231		-	-
		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn					
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	240		229.124.136.651	239.620.010.840
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241		-	-
		242	V.10	229.124.136.651	239.620.010.840
V. Đầu tư tài chính dài hạn					
1.	Đầu tư vào công ty con	250		655.045.455	655.045.455
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	251		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	252		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	253	V.2b	655.045.455	655.045.455
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254		-	-
		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác					
1.	Chi phí trả trước dài hạn	260		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	261		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	263		-	-
		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				475.976.596.012	451.157.377.982
				270	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		328.707.243.611	304.025.200.838
I. Nợ ngắn hạn		310		40.165.063.611	38.424.650.838
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.11	14.418.622.879	19.910.479.487
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.12	1.491.177.396	2.672.583.664
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.13	290.656.613	404.903.518
4. Phải trả người lao động		314		419.764.908	260.095.165
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	-	-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316	-	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	-	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.14a	9.219.092.649	6.269.736.475
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.15a	13.918.896.637	8.500.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	-	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		406.852.529	406.852.529
13. Quỹ bình ổn giá		323	-	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324	-	-	-
II. Nợ dài hạn		330		288.542.180.000	265.600.550.000
1. Phải trả người bán dài hạn		331	-	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332	-	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333	-	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334	-	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335	-	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336	-	-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.14b	178.738.180.000	143.296.550.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.15b	109.804.000.000	122.304.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi		339	-	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340	-	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341	-	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342	-	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU					
I. Vốn chủ sở hữu					
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	410	V.15	147.269.352.401	147.132.177.144
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		160.076.850.000	160.076.850.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411a		160.076.850.000	160.076.850.000
-		411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		48.603.459	48.603.459
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		(3.510.000)	(3.510.000)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.334.615.191	1.334.615.191
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.187.206.249)	(14.324.381.506)
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(14.324.381.506)	(8.159.104.971)
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		137.175.257	(6.165.276.535)
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác					
1.	Nguồn kinh phí	430		-	-
		431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				475.976.596.012	451.157.377.982

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng

Lê Quảng Đại

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Chậm trễ

M.S.D.N.05904

CÔNG TY

CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP

SÔNG ĐÀ

Đ. ĐÔNG ĐÀ - T. P. HÀ NỘI

Nguyễn Tiến Khanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	38.058.060.312	48.631.868.947
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	38.058.060.312	48.631.868.947
4. Giá vốn hàng bán	11	29.787.171.300	39.513.313.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	8.270.889.012	9.118.555.409
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.047.186	20.740.134
7. Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay	22	4.821.403.552	17.909.967.891
23	4.821.403.552	17.909.967.891	
8. Chi phí bán hàng	25	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.352.222.715	2.719.866.087
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	101.309.931	(11.490.538.435)
11. Thu nhập khác	31	37.344.350	8.737.723.462
12. Chi phí khác	32	1.479.024	3.412.461.562
13. Lợi nhuận khác	40	35.865.326	5.325.261.900
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	137.175.257	(6.165.276.535)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	137.175.257	(6.165.276.535)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	9	(385)

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Nga

Lê Quảng Đại

Nguyễn Tiến Khanh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	38.130.585.575	42.751.286.669
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(15.131.782.558)	(40.366.042.005)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.009.612.600)	(4.616.253.500)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(4.821.403.552)	(18.822.150.891)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.795.257.293	8.613.992.883
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.387.819.387)	(21.362.138.183)
		14.575.224.771	(33.801.305.027)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 20

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.967.206.640)	(34.281.007.321)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	158.140.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.047.186	11.890.214.187

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư 30

(7.963.159.454) 135.749.506.866

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà , phường Láng Hạ , Quận Đống Đa , thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
----------	-------------------	---------	-----------

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	8.472.043.839	61.969.209.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.553.147.202)	(161.326.877.957)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính **40** **(7.081.103.363)** **(99.357.668.957)**

Lưu chuyển tiền thuần trong năm **50** **(469.038.046)** **2.590.532.882**

Tiền và tương đương tiền đầu năm **60** **V.1** **3.174.743.983** **584.211.101**

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại 61 - -

Tiền và tương đương tiền cuối năm **70** **V.1** **2.705.705.937** **3.174.743.983**

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Lê Quảng Đại

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2020



Nguyễn Tiến Khanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp
- Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
 - Đầu tư, kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
 - Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước;
 - Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
 - Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
 - Khoan nổ mìn, khai thác vật liệu xây dựng;
 - Tư vấn giám sát trong các lĩnh vực: thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, cầu và đường bộ, điện đường dây và trạm, khảo sát địa chất thủy văn, trắc địa công trình;
 - Sửa chữa xe máy, thiết bị, gia công cơ khí;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

5. Sự kiện phát sinh trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 08.11.2/SDD/NQ – HĐQT ngày 08/11/2018 và hợp đồng chuyển nhượng số 38/2018/HĐ ngày 16/11/2018 về việc chuyển nhượng Nhà máy Thủy điện Tát Ngoãn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất với giá chuyển nhượng 177.273.800.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%), đến ngày 31/12/2018 Công ty đã thu hồi được 141.769.800.000 VND. Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất đã chuyển nhượng toàn bộ dự án cho Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La đã thực hiện đầu tư bổ sung Dự án Thủy điện Tát ngoãn 35.441.630.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Do các bên không thực hiện được thủ tục sang tên vì vậy đã thực hiện hủy hợp đồng chuyển nhượng và hoàn trả lại Dự án Thủy điện Tát Ngoãn cho Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-SD ngày 8/10/2019, thông qua kế hoạch của Ban giám đốc về việc nhận lại dự án Thủy điện Tát ngoãn. Văn bản thỏa thuận 3 bên ngày 31 tháng 12 năm 2019 và nghị quyết 30.12.2 SDD/NQ-HQQT ngày 30/12/2019 về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng theo đó Công ty có nghĩa vụ thanh toán lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La toàn bộ số tiền đã nhận và giá trị công trình được đầu tư thêm, tổng số tiền 177.211.430.000 VND. Theo đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố các nghiệp vụ phát sinh có liên quan vào số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:

Số liệu BCTC năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty không còn số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ nên Công ty không đánh giá tỷ giá chênh lệch cuối kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để đang chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 05 năm
- TSCĐ vô hình – thương hiệu Sông Đà	05 năm
- TSCĐ vô hình – quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các thành viên góp vốn

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Ban lãnh đạo công ty phê chuẩn hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phân lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

b) *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
 - Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

c) *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Đống Đa, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	20.918.400	83.700.000
Tiền gửi ngân hàng	2.684.787.537	3.091.043.983
Cộng	2.705.705.937	3.174.743.983

2. Các khoản đầu tư tài chính
a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	2.161.200	2.161.200
BID	91.200	91.200
PET	2.070.000	2.070.000
Cộng	2.161.200	2.161.200

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu nhỏ lẻ của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà (*)	500.000	500.000
Cộng	654.545.455	654.545.455
	655.045.455	655.045.455

(*) Là giá trị phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà số cổ phần 3.750 Cổ phần, mệnh giá 160.000 VND/ cổ phần.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần phát triển điện Miền bắc 1	1.544.281.158	-	1.544.281.158	-
BQLDA Lưới điện (Công ty điện lực 1)	-	-	1.833.087.846	-
Điện lực Điện Biên	2.313.834.443	-	1.635.262.239	-
Công ty Điện lực Bắc Kạn	250.418.546	-	5.257.862.795	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (DT bán điện)	2.394.957.674	-	3.516.841.100	-
Các khách hàng khác	340.804.323	(340.804.323)	619.815.801	(340.804.323)
Cộng	6.844.296.144	(340.804.323)	14.407.150.939	(340.804.323)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghiệp và kỹ thuật điện	349.000.000	349.000.000
Viện KHNL - Viện KH&CN Việt Nam	1.909.091	311.000.000
Công ty TNHH khai khoáng Việt nam	-	243.938.978
Các nhà cung cấp khác	305.000.000	42.000.000
Cộng	655.909.091	945.938.978

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	603.888.899	75.963.571
Ký cược, ký quỹ	23.750.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	342.669.755	172.566.580
Cộng	970.308.654	248.530.151

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(340.804.323)	(426.427.248)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	85.622.925
Số cuối năm	(340.804.323)	(340.804.323)

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Dự phòng
Xí nghiệp Sông Đà 7.05				
- Công ty CP SSD 705	Trên 3 năm	220.761.166	Trên 3 năm	220.761.166
Điện lực Lai Châu	Trên 3 năm	120.043.157	Trên 3 năm	120.043.157
Cộng		340.804.323		340.804.323

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.119.677.677	-	5.053.715.682	-
Cộng	6.119.677.677	-	5.053.715.682	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà , phường Láng Hạ , Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện			Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	vận tải, truyền dẫn	
Nguyên giá				
Số đầu năm	120.097.401.599	74.659.386.549	9.768.079.960	204.566.068.108
Đầu tư XD/CB hoàn thành	17.218.922.066	-	-	17.218.922.066
Giá trị thủy điện tắt ngừng nhận lại từ Công ty Cổ phần Thủy điện Năm La đầu tư (T.M I.5)	32.219.663.636	-	-	32.219.663.636
Thanh lý, nhượng bán	-	(299.150.000)	-	(299.150.000)
Số cuối năm	169.535.987.301	74.360.236.549	9.768.079.960	253.705.503.810
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	17.171.459.330	15.955.371.194	3.157.800.605	36.302.801.213
Khấu hao trong năm	5.167.072.933	3.162.553.815	401.574.616	8.736.351.368
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(299.150.000)	-	(299.150.000)
Số cuối năm	22.338.532.263	18.818.775.009	3.559.375.221	44.740.002.581
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	102.925.942.269	58.704.015.355	6.610.279.355	168.263.266.895
Số cuối năm	147.197.455.038	55.541.461.540	6.208.704.739	208.965.501.229

Tài sản Nhà máy thủy điện Tắt Ngỗng - Mộc Châu - Sơn La có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 242.014.283.142 VND và 227.029.369.609 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Sơn La.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm (*)	1.830.000.000	100.000.000	1.930.000.000
Tăng do mua sắm (**)	1.678.683.400	-	1.678.683.400
Số cuối năm	3.508.683.400	100.000.000	3.608.683.400
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	100.000.000	100.000.000
Số cuối năm	-	100.000.000	100.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.830.000.000	-	1.830.000.000
Số cuối năm	3.508.683.400	-	3.508.683.400

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Lô 60 + 61, khu phát triển Đô thị 4B xã Văn Khê, Hà Đông, TP. Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 063532 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (Nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 17 tháng 7 năm 2006.

(**) Tài sản cố định Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 03 – 02 tại Đồng Bo, Đồng Chúc, Cừu Cầu, Đồng Men (Khu B), Phường Phú Lương, quận Hà Đông, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 333320 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hà Nội cấp ngày 01 tháng 02 năm 2019.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

Tình hình biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.623.097.700	55.585.700	(1.678.683.400)	-
<i>Quyền sử dụng đất thừa đất Phú Lương</i>	<i>1.623.097.700</i>	<i>55.585.700</i>	<i>(1.678.683.400)</i>	<i>-</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	237.996.913.140	8.346.145.577	(17.218.922.066)	229.124.136.651
<i>Phần mở rộng của TED Tắt Ngoảng</i>	<i>17.218.922.066</i>	<i>-</i>	<i>(17.218.922.066)</i>	<i>-</i>
<i>Thuỷ điện Mường Sang 2 - Mộc Châu - Sơn Ia (*)</i>	<i>217.595.659.936</i>	<i>8.346.145.577</i>	<i>-</i>	<i>225.941.805.513</i>
<i>Thuỷ Điện Thu Cúc</i>	<i>3.182.331.138</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3.182.331.138</i>
Cộng	239.620.010.840	8.401.731.277	(18.897.605.466)	229.124.136.651

(*) Tài sản hình thành sau đầu tư dự án đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Sơn La.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng và Xây lắp Sông Đà	4.857.725.349	4.857.725.349
Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà	1.587.527.637	1.587.527.637
Công ty TNHH Tân An	1.577.925.200	2.177.925.200
Công ty TNHH LS VINA	1.082.920.554	1.082.920.554
Các nhà cung cấp khác	5.312.524.139	10.204.380.747
Cộng	14.418.622.879	19.910.479.487

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Điện lực Điện Biên	1.491.177.396	2.672.583.664
Cộng	1.491.177.396	2.672.583.664

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	135.032.005	-	627.168.378	(762.200.383)	-	-
Thuế GTGT bán tài sản (*)	-	17.297.618.182	3.223.160.000	-	-	14.074.458.18
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	17.947.628	(4.147.628)	13.800.000	-
Thuế tài nguyên	190.258.593	-	1.986.927.678	(1.977.458.398)	199.727.873	-
Thuế bảo vệ môi trường	79.612.920	-	667.826.576	(670.310.756)	77.128.740	-
Các loại thuế khác	-	-	34.764.662	(34.764.662)	-	-
Cộng	404.903.518	17.297.618.182	6.557.794.922	(3.448.881.827)	290.656.613	14.074.458.18

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%,

(*) là khoản thuế GTGT đã nộp khi thực hiện chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tát Ngoãng, đến thời điểm hiện tại công ty đã hủy việc chuyển nhượng dự án trên.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	5.734.190.292	-
Kinh phí công đoàn	36.133.999	219.812
Bảo hiểm xã hội	1.486.110.141	3.125.076.361
Đặt cọc Bảo lãnh TD mừng Sang 2	1.642.117.088	1.642.117.088
Ông Đình Văn Hà	250.592.928	1.404.592.928
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	69.948.201	97.730.286
Cộng	9.219.092.649	6.269.736.475

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La - Phải trả về khi nhận lại tài sản(*)	177.211.430.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống Nhất (*)	-	141.769.800.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Và Đầu tư Sông Đà (**)	1.526.750.000	1.526.750.000
Cộng	178.738.180.000	143.296.550.000

(*) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà phải trả cho Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La và Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống Nhất do nhận lại dự án Thủy điện Tát Ngao (Xem thuyết minh I.5). Khoản nợ này được trả trong vòng 05 năm tính từ năm 2021. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Sông Đà được tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La đồng ý chuyển công nợ thành vốn góp theo tỷ lệ hoán đổi được hai bên thống nhất và được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

(**) Là khoản tiền Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (SODACO) chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (SONGDA IC) theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh về việc hợp tác Đầu tư dự án thủy điện Thu Cúc ký ngày 22 tháng 4 năm 2008. Thủy điện Thu Cúc được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 181023000171 ngày 05 tháng 5 năm 2009. Theo thỏa thuận hợp tác, SONGDA IC chiếm 25% vốn liên doanh và chịu trách nhiệm ký Hợp đồng thuê Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư trình cấp thẩm quyền phê duyệt và các chi phí làm thủ tục pháp lý trong quá trình chuẩn bị đầu tư. Khoản tiền này các năm trước đã hạch toán vào khoản mục vốn khác của chủ sở hữu, nay chuyển hạch toán cho phù hợp (Tham chiếu thuyết minh số V.16)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.758.896.637	2.758.896.637	-	-
<i>Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6 (a)</i>	2.758.896.637	2.758.896.637	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	11.160.000.000	11.160.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
Cộng	13.918.896.637	16.677.793.274	8.500.000.000	8.500.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Vay ngắn hạn các tổ chức khác	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả (TM.15b)	8.500.000.000	-	12.500.000.000	(9.840.000.000)	11.160.000.000
Cộng	8.500.000.000	8.472.043.839	12.500.000.000	(15.553.147.202)	13.918.896.637

(a) Theo hợp đồng kinh tế số 01/2019 – HĐKT gói thầu NPC-ADB-NP/W05 - Thi công xây lắp đường ống áp lực, nhà van, nhà máy thủy điện, kênh dẫn ra, xây lắp trạm OPY; Khu quản lý vận hành – Dự án: Thủy điện Nậm Pay.

- Ngay sau khi kí kết hợp đồng Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6, cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà vay số tiền là 7.772.043.839 đồng để thanh lý hợp đồng cho Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên hiện đang là đơn vị thi công dự án nói trên.

- Thời gian vay tiền từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019 với lãi suất 0%. Quá thời hạn trên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	109.804.000.000	109.804.000.000	122.304.000.000	122.304.000.000
- Chi nhánh Sơn La (*)	109.804.000.000	109.804.000.000	122.304.000.000	122.304.000.000
Cộng				

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo các hợp đồng vay:
- Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2010/HĐTĐĐT-NHPT ngày 15/12/2010; Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 01/2014/HĐTĐSDBS-NHPT ngày 30/06/2014; Thời hạn vay 96 tháng; Thời hạn ân hạn tối đa 39 tháng; Thời hạn trả nợ gốc vay 57 tháng; Thời điểm bắt đầu trả gốc vay: tháng 9/2014; Lãi suất vay 9,6%/năm; Tổng hạn mức vay: 47.988.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Tát Ngõông - Sơn La. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2011/HĐTĐĐT-NHPT ngày 28/01/2011; Thời hạn vay 96 tháng; Thời gian ân hạn tối đa 24 tháng; Thời hạn trả nợ gốc vay 72 tháng; Lãi suất vay 9,6%/năm. Tổng hạn mức vay: 39.700.000.000 đồng; Mục đích vay: Đầu tư XD và mua sắm thiết bị cho dự án Nhà máy Thủy điện Mường Sang 2 - Sơn La; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư của dự án.

- Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 08/2015/HĐTĐSDBS-NHPT ngày 31/12/2015 sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 06/2015/HĐTĐĐT-NHPT ngày 16/12/2015; Thời hạn vay cho cả dự án là 180 tháng; Thời hạn trả nợ gốc vay 138 tháng. Thời gian trả nợ gốc bắt đầu từ tháng 1 năm 2017. Tổng hạn mức vay: 60.300.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn là lãi suất là lãi suất cụ thể theo thông báo từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay: Đầu tư Xây dựng và mua sắm thiết bị cho dự án Nhà máy Thủy điện Mường Sang 2 - Sơn La; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư của dự án.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	122.304.000.000	-	(12.500.000.000)	109.804.000.000
Cộng	122.304.000.000	-	(12.500.000.000)	109.804.000.000

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vàng dự vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Số dư đầu năm trước	160.076.850.000	48.603.459	1.526.750.000	(3.510.000)	1.334.615.191	(8.159.104.971)	154.824.203.679
Giảm khác trong năm (*)	-	-	(1.526.750.000)	-	-	-	(1.526.750.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(6.165.276.535)	(6.165.276.535)
Số dư cuối năm trước	160.076.850.000	48.603.459	-	(3.510.000)	1.334.615.191	(14.324.381.506)	147.132.177.144
Số dư đầu năm nay	160.076.850.000	48.603.459	-	(3.510.000)	1.334.615.191	(14.324.381.506)	147.132.177.144
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	137.175.257	137.175.257
Số dư cuối năm nay	160.076.850.000	48.603.459	-	(3.510.000)	1.334.615.191	(14.187.206.249)	147.269.352.401

(*) Xem thuyết minh V.14b

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	16.007.685	16.007.685
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.007.685	16.007.685
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.007.685	16.007.685
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	351	351
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	351	351
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.007.334	16.007.334
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.007.334	16.007.334
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.121.169.726	21.538.359.839
Doanh thu bán điện	31.936.890.586	27.093.509.108
Cộng	38.058.060.312	48.631.868.947

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây dựng	6.320.173.229	27.881.665.213
Giá vốn bán điện	23.466.998.071	11.631.648.325
Cộng	29.787.171.300	39.513.313.538

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi, tiền cho vay

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.821.403.552	17.909.967.891
Cộng	4.821.403.552	17.909.967.891

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.124.727.992	1.665.574.323
Chi phí vật liệu quản lý	99.825.604	163.940.446
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.712.474	76.574.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	375.218.372	254.981.288
Thuế, phí và lệ phí	3.500.000	4.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(60.097.638)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.873.063	304.638.610
Các chi phí khác	348.365.210	310.254.241
Cộng	3.352.222.715	2.719.866.087

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	4.440.215.676
Thu nhập khác	2.295.000	9.463.880
Bồi thường bảo hiểm	-	141.525.000
Phí kiểm định	-	150.560.680
Xử lý công nợ	35.049.350	3.995.958.226
Cộng	37.344.350	8.737.723.462

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm	-	690.260.357
Phạt chậm nộp thuế	1.479.024	485.192.170
Chi phí khác	-	609.403.411
Xử lý công nợ	-	668.665.106
Thuế tài nguyên	-	269.871.213
Thuế TNCN	-	689.069.305
Cộng	1.479.024	3.412.461.562

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà , phường Láng Hạ , Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2019 được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	137.175.257	(6.165.276.535)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.479.024	1.844.117.633
<i>Phạt thuế</i>	1.479.024	1.844.117.633
<i>Chiếm nộp BHXH</i>	-	485.192.170
<i>Chi phí khác</i>	-	690.260.357
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	668.665.106
Thu nhập chịu thuế	138.654.281	(4.321.158.902)
Lỗ các năm trước được chuyển	(138.654.281)	-
Thu nhập tính thuế	-	(4.321.158.902)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty	137.175.257	(6.165.276.535)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty	137.175.257	(6.165.276.535)
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	16.007.334	16.007.334
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9	(385)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	16.007.334	16.007.334
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.007.334	16.007.334

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	527.223.111	2.825.853.568
Chi phí nhân công	4.259.674.915	6.437.329.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.736.351.368	15.926.275.747
Thuế, phí và lệ phí	2.071.612.553	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	(60.097.638)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.156.964.523	10.799.260.773
Chi phí khác	445.679.097	1.749.211.918
Cộng	34.197.505.567	37.681.833.567

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bù trừ công nợ phải thu và công nợ phải trả	10.114.729.295	8.882.707.224
Chuyển hạch toán giảm vốn chủ sở hữu sang phải trả khoản hợp tác đầu tư	-	1.526.750.000
Xóa nợ phải thu về cho vay	-	143.775.229
Xóa nợ lãi phải thu về cho vay	-	499.364.590
Bù trừ tiền vay phải trả và phải thu về thanh lý TSCĐ	-	35.304.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa công ty với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng tiền mua hàng	-	-
Hoàn trả tiền tạm ứng	-	1.609.712.737

Tại ngày kết thúc năm tài chính không có công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Trường Phúc Lộc Tây Bắc

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có công nợ với các bên liên quan.

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hóa cho các khoản vay riêng biệt	6.753.900.906	6.983.315.759
Cộng	6.753.900.906	6.983.315.759

3. Quản lý rủi ro tài chính

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà , phường Láng Hạ , Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 1 năm		Cộng
	trở xuống	đến 5 năm	
Vay và nợ	13.918.896.637	109.804.000.000	123.722.896.637
Phải trả người bán	14.418.622.879	-	14.418.622.879
Các khoản phải trả khác	9.298.053.234	178.738.180.000	188.036.233.234
Cộng	37.635.572.750	288.542.180.000	326.177.752.750
Số đầu năm			
Vay và nợ	8.500.000.000	122.304.000.000	130.804.000.000
Phải trả người bán	19.910.479.487	-	19.910.479.487
Các khoản phải trả khác	6.189.027.317	143.296.550.000	149.485.577.317
Cộng	34.599.506.804	265.600.550.000	300.200.056.804

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.705.705.937	3.174.743.983	2.705.705.937	3.174.743.983
Chứng khoán kinh doanh	2.161.200	2.161.200	2.161.200	2.161.200
Phải thu khách hàng	6.844.296.144	14.407.150.939	6.844.296.144	14.407.150.939
Các khoản phải thu khác	970.308.654	248.530.151	970.308.654	248.530.151
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	655.045.455	655.045.455	655.045.455	655.045.455
Cộng	11.177.517.390	18.487.631.728	11.177.517.390	18.487.631.728

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	123.722.896.637	130.804.000.000	123.722.896.637	130.804.000.000
Phải trả người bán	14.418.622.879	19.910.479.487	14.418.622.879	19.910.479.487
Các khoản phải trả khác	188.036.233.234	149.485.577.317	188.036.233.234	149.485.577.317
Cộng	326.177.752.750	300.200.056.804	326.177.752.750	300.200.056.804

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-SDD ngày 08 tháng 10 năm 2019 thông qua kế hoạch của Ban giám đốc về việc nhận lại dự án Thủy điện Tắt ngoẵng. Công ty đã thực hiện hủy hợp đồng chuyển nhượng và hoàn trả lại Dự án Thủy điện Tắt Ngoẵng theo văn bản thỏa thuận 3 bên ngày 31 tháng 12 năm 2019 và nghị quyết 30.12.2 SDD/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019. Theo đó Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố các nghiệp vụ liên quan đến việc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chuyển nhượng dự án này của số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2019.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu Sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	23.691.436.610	17.097.618.182	40.789.054.792
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	15.460.815.745	(200.000.000)	15.260.815.745
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	14.607.150.939	(200.000.000)	14.407.150.939
Tài sản ngắn hạn khác	150	-	17.297.618.182	17.297.618.182
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	-	17.297.618.182	17.297.618.182
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	245.353.146.661	165.015.176.529	410.368.323.190
Tài sản cố định	220	5.078.090.366	165.015.176.529	170.093.266.895
Tài sản cố định hữu hình	221	3.248.090.366	165.015.176.529	168.263.266.895
Nguyên giá	222	11.990.370.668	192.575.697.440	204.566.068.108
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(8.742.280.302)	(27.560.520.911)	(36.302.801.213)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	269.044.583.271	182.112.794.711	451.157.377.982
NỢ PHẢI TRẢ	300	126.951.400.838	177.073.800.000	304.025.200.838
Nợ dài hạn	330	88.526.750.000	177.073.800.000	265.600.550.000
Phải trả dài hạn khác	337	1.526.750.000	141.769.800.000	143.296.550.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	87.000.000.000	35.304.000.000	122.304.000.000
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	142.093.182.433	5.038.994.711	147.132.177.144
Vốn chủ sở hữu	410	142.093.182.433	5.038.994.711	147.132.177.144
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(19.363.376.217)	5.038.994.711	(14.324.381.506)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(11.204.271.246)	5.038.994.711	(6.165.276.535)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	269.044.583.271	182.112.794.711	451.157.377.982
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	46.195.275.895	(6.681.962.357)	39.513.313.538
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.436.593.052	6.681.962.357	9.118.555.409
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(18.172.500.792)	6.681.962.357	(11.490.538.435)
Thu nhập khác	31	10.380.691.108	(1.642.967.646)	8.737.723.462
Lợi nhuận khác	40	6.968.229.546	(1.642.967.646)	5.325.261.900
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(11.204.271.246)	5.038.994.711	(6.165.276.535)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(11.204.271.246)	5.038.994.711	(6.165.276.535)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(700)	315	(385)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.613.992.883	141.769.800.000	150.383.792.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.801.305.027)	141.769.800.000	107.968.494.973

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 49 - Ngõ 151 B Thái Hà , phường Láng Hạ , Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các tài sản dài hạn khác	22	158.140.300.000	(141.769.800.000)	16.370.500.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	135.749.506.866	(141.769.800.000)	(6.020.293.134)

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Lê Quảng Đại

Giám đốc



Nguyễn Tiến Khanh

